

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2020
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách Nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục điều chỉnh, bổ sung các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất,



chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-STNMT ngày 07 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ST*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN (Va).

3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng



KẾ HOẠCH

Định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020

(Kèm theo Quyết định số **525/QĐ-UBND** ngày **17** tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ:

- Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

- Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê;

- Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

b) Chủ động trong việc tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời, đáp ứng tiến độ của các dự án và làm cơ sở để bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cho việc tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể.

2. Yêu cầu

Việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phải được thực hiện khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc và phương pháp định giá đất theo quy định tại Điều 112 Luật Đất đai năm 2013. Việc lựa chọn Đơn vị tư vấn định giá đất phải có đủ năng lực, đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Số dự án cần định giá đất cụ thể trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh: là 193 dự án (bao gồm: Dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 của Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng).

Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo các phương pháp: So sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất chi tiết đến từng thửa đất. Đối với các dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau thì giá đất cụ thể

được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

2. Dự kiến các dự án phải thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất cụ thể: là 193 dự án. Trong đó:

- Dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là 141 dự án.

- Dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng là 52 dự án.

3. Tiến độ thời gian định giá đất cụ thể

a) Đối với các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

- Quý I: Gồm 16 dự án/8 huyện, thành phố.
- Quý II: Gồm 57 dự án/8 huyện, thành phố.
- Quý III: Gồm 34 dự án/8 huyện, thành phố.
- Quý IV: Gồm 34 dự án/8 huyện, thành phố.

Tổng cộng: 141 dự án/8 huyện, thành phố.

Đối với những dự án, công trình mà UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã đăng ký thực hiện năm 2019 tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nhưng chưa thực hiện, cho phép UBND các huyện, thành phố tiếp tục được thực hiện trong năm 2020.

b) Đối với các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng: Thực hiện trong năm 2020 là 52 dự án/8 huyện, thành phố.

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo).

4. Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

a) Thực hiện theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bổ trí từ nguồn kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính);

- Kinh phí để thực hiện xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất; các trường hợp quy định tại Điều 172 và Điều 189 Luật Đất đai

năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng, được bố trí từ ngân sách Nhà nước (theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ).

c) Ước tính kinh phí trung bình xác định giá đất cụ thể đối với các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất:

- Đối với đất ở: Khoảng 28.070.000 đồng/dự án (Hai mươi tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với đất phi nông nghiệp: Khoảng 31.533.000 đồng/dự án (Ba mươi một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng trên một dự án).

- Đối với đất nông nghiệp: Khoảng 24.608.000 đồng/dự án (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm linh tám nghìn đồng trên một dự án).

Tổng kinh phí định giá đất cụ thể của 141 dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (ước tính theo đất nông nghiệp) là: 141 dự án x 24.608.000 đồng/dự án = 3.469.728.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

5. Kế hoạch và kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể

a) Các dự án bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất:

- Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

- Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể (ước tính theo đất nông nghiệp):

+ Quý I: 393.728.000 đồng/16 dự án.

+ Quý II: 1.402.656.000 đồng/57 dự án.

+ Quý III: 836.672.000 đồng/34 dự án.

+ Quý IV: 836.672.000 đồng/34 dự án.

b) Các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất và dự án quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng:

- Thời gian định giá đất cụ thể của các dự án: Được thực hiện sau khi có Quyết định phê duyệt phương án đấu giá; Quyết định đấu giá hoặc văn bản chấp thuận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện trong năm 2020: 52 dự án/8 huyện, thành phố.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổ chức thực hiện thẩm tra việc xác định giá đất cụ thể đối với các dự án theo Kế hoạch này.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả việc xác định giá đất cụ thể và phương án giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất.

- Trình Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thẩm định hồ sơ, phương án giá đất cụ thể; hoàn thiện phương án giá đất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổng hợp bổ sung vào Kế hoạch các công trình, dự án cấp bách khi được HĐND tỉnh chấp thuận, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

- Lưu trữ toàn bộ kết quả định giá đất, thống kê, tổng hợp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả định giá đất cụ thể năm 2020 tại địa phương trước ngày 15/01/2021.

2. Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh

- Sở Tài chính là cơ quan Thường trực có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ phương án giá đất cụ thể; tổ chức họp Hội đồng để thẩm định phương án giá đất, ban hành Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất;

- Thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các dự án xác định giá khởi điểm để bán đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất cho cả thời gian thuê; dự án quy định tại các điểm a, b, c và d, Khoản 4, Điều 114; Khoản 2, Điều 172 và Khoản 3, Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 mà thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng;

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và đơn vị có liên quan về sử dụng kinh phí theo nguồn phân cấp hoặc từ nguồn kinh phí dự án; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí định giá đất cụ thể theo kế hoạch.

3. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Chuẩn bị hồ sơ các thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án; xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đơn vị tư vấn xác định giá đất thực hiện định giá đất cụ thể đối với các dự án trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định dự toán định giá đất cụ thể theo khối lượng thực tế của từng dự án để làm căn cứ thanh toán cho tư vấn định giá đất (đối với các dự án do UBND các huyện, thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).



4. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

Tổ chức thực hiện định giá đất cụ thể hoặc lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất theo quy định.

5. Chủ đầu tư thực hiện dự án

- Chuẩn bị và đảm bảo kinh phí để tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể.

- Chuẩn bị các hồ sơ thửa đất cần định giá, hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án; thông báo thu hồi đất; sơ đồ khu đất cần định giá (khu đất thực hiện dự án); xác định vị trí, diện tích, loại đất và thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá; các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng của thửa đất cần định giá.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được hướng dẫn, giải quyết. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

Phụ lục số 1:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỂ LÀM CĂN CỨ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: **525** /QĐ-UBND ngày **17** tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
A	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ I					
I	Thành phố Gia Nghĩa					
1	Hồ Gia Nghĩa (cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa giai đoạn 2)	Thành phố Gia Nghĩa	62,7	378.000	Trái phiếu Chính phủ	
2	Đường dẫn và cầu kết nối giữa sân vận động tỉnh và đường Bắc Nam giai đoạn 2, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân; Phường Nghĩa Trung	0,7	1.500	Vốn ngân sách tỉnh	
3	Đường bờ Tây Hồ trung tâm và khu tái định cư	Phường Nghĩa Thành	17,0	45.300	Ngân sách Trung ương	
4	Đường bờ Đông Hồ trung tâm	Phường Nghĩa Đức	34,0	43.000	Ngân sách Trung ương	
5	Hạ tầng Công viên Hồ Thiên Nga	Phường Nghĩa Thành	20,0	120.000	Ngân sách thành phố	
6	Trường Mầm Non phường Nghĩa Đức, hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng (02 tầng) và hạ tầng kỹ thuật đi kèm	Phường Nghĩa Đức	1,4	2.000	Ngân sách thành phố	
7	Khu đô thị mới Tổ dân phố 1	Phường Nghĩa Đức	0,9	24.500	Vốn ngân sách	
8	Khu đô thị mới số 01 dọc đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	17,7	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
9	Chợ và khu dân cư Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	7,1	28.000	Vốn ngoài ngân sách	
II	Huyện Đắk Mil					
1	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Thị trấn Đắk Mil	2,5	20.000	Ngân sách huyện	
2	Dự án cấp điện nông thôn tại làng Dao	Xã Đức Mạnh	5,0	3.000		
3	Thủy điện Đắk Sôr 2	Xã Long Sơn	37,0	40.000	Vốn Doanh nghiệp	
III	Huyện Krông Nô					
1	Đường giao thông nội thị (đường N5, N6)	Thị trấn Đắk Mâm	1,50	3.800	Ngân sách huyện	
IV	Huyện Cư Jút					
1	Đường giao thôn tổ dân phố 7, 8 thị trấn Ea Tling	Thị trấn Ea Tling	0,5	425	Ngân sách huyện, dân hiến đất	
V	Huyện Đắk Glong					
1	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Xã Đắk Ha	0,7		Ngân sách huyện	



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
VI Huyện Tuy Đức						
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL 14 đến cửa khẩu Bu Prăng (Đoạn từ Km3-Km17 của Tỉnh lộ 686 và đoạn từ trung tâm huyện Tuy Đức đến giáp cầu Đắk Huyết)	Xã Đắk Buk So; xã Quảng Trực	101,50	100	Vốn đối ứng trong nước	
B CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ II						
I Thành phố Gia Nghĩa						
1	Khu dân cư đường Quang Trung tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân	Phường Nghĩa Tân	3,0	1.770	Vốn ngân sách thành phố	
2	Đường Tô Hiến Thành (nối trung tâm thành phố Gia Nghĩa đến đường Quang Trung)	Phường Nghĩa Tân	1,0	7.300	Vốn ngân sách tỉnh	
3	Dự án khu du lịch sinh thái thác Liêng Nung	Xã Đắk Nĩa	330,0	500.000	Nguồn vốn ngoài ngân sách	
4	Nâng cấp cải tạo đường Chu Văn An, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Thành	0,5	12.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5	Phân lô Tái định cư đường Bắc Nam giai đoạn 2	Phường Nghĩa Trung	0,1	2.000	Ngân sách tỉnh	
6	Cầu thôn Tân Thịnh, phường Quảng Thành	Phường Quảng Thành	0,2	1.000	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường Ngô Mây (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đoạn tiếp giáp với đường vào khu đất đảo nổi Hồ Gia Nghĩa)	Phường Nghĩa Thành	0,5	8.000,00	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
8	Khu đô thị mới số 2, phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	87,6	140.000	Vốn ngoài ngân sách	
9	Khu đô thị mới số 6, khu vực Sùng Đức	Phường Nghĩa Tân	25,5	60.000	Vốn ngoài ngân sách	
10	Khu đô thị mới Tô dân phố 3	Phường Nghĩa Phú	47,8	90.000	Vốn ngoài ngân sách	
11	Khu đô thị mới Tô dân phố 5	Phường Nghĩa Phú	19,1	40.000	Vốn ngoài ngân sách	
12	Khu đô thị mới số 3	Phường Nghĩa Trung	47,3	100.000	Vốn ngoài ngân sách	
II Huyện Đắk Mil						
1	Nâng cấp mở rộng đường Nơ Trang Long	Thị trấn Đắk Mil	2,8	2.000	Ngân sách huyện	
2	Nâng cấp đường Hoàng Diệu	Thị trấn Đắk Mil	1,00	1.000		
3	Đường giao thông liên xã Đắk Lao đi Thuận An, huyện Đắk Mil	Xã Thuận An, Đắk Lao, Đắk Mil	0,35	200	Ngân sách huyện	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
4	Hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng	Xã Thuận An	1,00	1.000	Vốn ADB	
5	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020	Xã Đức Mạnh và xã Long Sơn, huyện Đắk	5,8	3.000	Ngân sách tỉnh	
6	Hồ thủy lợi Đắk Klo Ou	Xã Đắk Lao	16,50	20.000	Ngân sách trung ương	
7	Hồ Đắk Louu (Đắk Klou)	Xã Đắk Lao	1,20	600	Ngân sách tỉnh	
8	Hồ Tô 7	Xã Thuận An	2,00	2.000		
9	Dự án chống quá tải lưới điện khu vực huyện Đắk Mil	Trên địa bàn huyện	0,30	2.000	Vốn ngành điện	
III	Huyện Krông Nô					
1	Chính trang khu dân cư đô thị	Thị trấn Đắk Mâm	3,00	3.000	Ngân sách huyện	
2	Hoa viên trung tâm Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm	0,30	450	Ngân sách huyện	
3	Thủy điện Đắk Sor 2	Xã Nam Xuân	9,40	10.000	Vốn doanh nghiệp	
4	Trung tâm xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	2,60	2.200	Ngân sách huyện	
5	Đường vào trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện	Thị trấn Đắk Mâm	0,5	1.500	Ngân sách huyện	
6	Thủy điện Nam Long	Xã Đức Xuyên, xã Năm N'Điê	26		Vốn ngoài ngân sách (Vốn Doanh Nghiệp)	
7	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho các hộ bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang	Xã Đức Xuyên	6,80	4.500	Ngân sách tỉnh	
IV	Huyện Cư Jút					
1	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đắk Drông	Xã Trúc Sơn, Cư Knia, Đắk Drông	3,07	1995.5	Vốn trung ương	
2	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Pô	10	6500	Vốn trung ương	
3	Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'Ling	Thị trấn Ea T'ling	11,65	13980	Ngân sách huyện, kêu gọi đầu tư	
4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng xã Trúc	Xã Trúc Sơn	3	2700	Ngân sách huyện	
V	Huyện Đắk Glong					
1	Đường dân sinh thôn 6	Xã Quảng Khê	1,5		Ngân sách huyện	
2	Cấp nước tập trung xã Đắk Ha	Xã Đắk Ha	0,6		Nguồn vốn WB và đối ứng 10 %	
3	Cấp nước tập trung xã Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	0,8		Nguồn vốn WB và đối ứng 10 %	
4	Đường dân sinh thôn 3 (khu 12,3 ha)	Xã Quảng Khê	1,2		Ngân sách huyện	



STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
5	Đường vào Ngân hàng chính sách huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	0,1		Ngân sách huyện	
VI Huyện Đắk Song						
1	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	Xã Nam Bình, thị trấn Đức An	11,20	21.000	Ngân sách tỉnh	
2	Đường giao thông TDP3 thị trấn Đức An	Xã Nam Bình, thị trấn Đức An	0,27	500	Ngân sách huyện	
VII Huyện Tuy Đức						
1	Nâng cấp, sửa chữa đường Tỉnh lộ 1 (hạng mục xây dựng mương thoát nước)	Xã Quảng Tân	1,00	2.000	Ngân sách tỉnh	
2	Dự án Quy hoạch ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục - giai đoạn 2	Xã Quảng Trục	458,41	300.000	Ngân sách trung ương	
3	Đường từ UBND xã Đắk Ngo đi cầu Đắk Nguyên	Xã Đắk Ngo	1,02	4.000	Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm	
4	Đường giao thông liên xã Quảng Tân -Đắk Ngo (từ Bon Ja Lú A,B đến khu Tầm tơ Đắk Ngo)	Xã Quảng Tân	4,50	9.000	Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm	
5	Hoa viên và nhà tưởng niệm Ama Trang Long	Xã Đắk Buk So	1,16	5.000	Bình đoàn 16 tài trợ	
VIII Huyện Đắk R'Lấp						
1	Dự án đường nội thị trấn Kiến Đức	Huyện Đắk R'Lấp	1,5	1.500	Ngân sách huyện	
2	Dự án đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	TT Kiến Đức, Kiên Thành, Nghĩa Thắng, Nhân Đạo	2,2	2.200	Ngân sách huyện	
3	Dự án đập hồ thải bùn sau tuyển rửa quặng số 2, phục vụ nhà máy Alumin Nhân Cơ	Xã Nghĩa Thắng	90,2	92.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông	Xã Đắk Wer, xã Nghĩa Thắng	100,65	110.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
5	Dự án đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi lên xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	Thị trấn Kiến Đức, xã Kiến Thành, Nhân Cơ, Nhân Đạo	5	5.000	Ngân sách tỉnh	
6	Thu hồi bổ sung các trường hợp hộ dân đề nghị thu hồi thêm, thuộc dự án khai thác mỏ Bauxit Nhân Cơ - Đắk Nông (Do diện tích nhỏ không đủ điều kiện, không có nước tưới, không có đường giao thông....)	Các xã trên địa bàn huyện	63	63.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
7	Hạng mục thu hồi xử lý sạt lở và trồng cây xanh, công trình hồ thái bùn do thuộc dự án Alumin Nhân Cơ	Xã Nhân Cơ, xã Nhân Đạo	21	18.000	Vốn Tập đoàn than và khoáng sản	
8	Dự án thủy điện Đăk R'Keh	Xã Hưng Bình, xã Đăk Sin	21	17.000	Vốn doanh nghiệp	
9	Dự án xây dựng Trường Mầm non Hoa Mai và đường giao thông vào trường	Xã Nhân Cơ	1	1.500	Ngân sách huyện	
10	Dự án Nhà ở xã hội huyện Đăk R'láp	Xã Nhân Cơ	10	10.000	Vốn ngoài Ngân sách	
11	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2014-2020	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	1	1.300	Ngân sách huyện	
12	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp, trung tâm huyện lỵ, thành phố thuộc tỉnh Đăk Nông	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	0,31	300	Ngân sách huyện	
13	Dự án tái định cư	Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	20	20.000		
A CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ III						
I Thành phố Gia Nghĩa						
1	Taluy bảo vệ đường Võ Văn Kiệt (hành lang an toàn công trình đường Võ Văn Kiệt)	Phường Nghĩa Trung	0,1	100	Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác	
2	Mở rộng Giáo Xứ Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	0,1	2.000	Ngân sách tỉnh	
3	Khu đô thị mới Tô dân phố 1	Phường Nghĩa Trung	33,0	120.000	Ngân sách thành phố	
4	Di dời, tái định cư cho 212 hộ ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	12,2	750.000	Ngân sách Trung ương và Ngân sách thành phố	
5	Khu đô thị mới Tô dân phố 2	Phường Nghĩa Tân	8,8	15.000	Vốn ngoài ngân sách	
6	Di dời khu nghĩa địa Tô dân phố 2, phường Nghĩa Phú (bùn bình hồ đại la)	Phường Nghĩa Phú	1,6	8.000	Ngân sách thành phố	
7	Khu đô thị mới Tô dân phố 6	Phường Nghĩa Phú	44,0	100.000	Vốn ngoài ngân sách	
8	Khu đô thị mới Tô dân phố 4	Phường Nghĩa Đức	70,8	650.000	Vốn ngoài ngân sách	
9	Khu đô thị mới dọc tuyến nhánh kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân; phường Nghĩa Trung	63,0	160.000	Vốn ngoài ngân sách	
II Huyện Đăk Mil						

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Thủy điện Đắk Sôr 4	Xã Đắk R'l'a, xã Đắk Gàn	34,70	30.000	Vốn Doanh nghiệp	
III	Huyện Krông Nô					
1	Nghĩa địa thôn Đức Lập	Xã Đắk Sôr	0,38	600	Ngân sách huyện	
2	Hội trường thôn Quảng Đà	Xã Đắk Sôr	0,1	150	Ngân sách xã	
3	Mở rộng Trạm Y tế xã Năm N'Dir	Xã Năm N'Dir	0,04	80	Ngân sách xã	
4	Mở rộng Trường Mầm non Hoa Ban	Xã Năm N'Dir	0,20	200	Ngân sách huyện	
5	Dự án định canh, định cư tập trung xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	5	5.000	Ngân sách Trung ương	
6	Cống, rãnh thoát nước từ Dài Truyền Thanh xuống đường Quang Trung và đến hệ thống cống thoát nước đường Kim Đồng (N4.1)	Thị trấn Đắk Mâm	0,4	500	Ngân sách huyện	
7	Mở rộng Bãi rác	Thị trấn Đắk Mâm	5	2.000	Ngân sách huyện	
IV	Huyện Cư Jút					
1	Trung tâm văn hóa huyện Cư Jút	Thị trấn Ea Tling	3	3.600	Ngân sách huyện	
2	Khu nhà ở xã hội tại TDP 7,8 thị trấn Ea Tling	Thị trấn Ea Tling	9,85	11.820	Kêu gọi đầu tư	
3	Dự án chống quá tải lưới điện khu vực huyện Cư Jút	Toàn huyện	0,3	195	Vốn ngành điện	
4	Đường bên cạnh trường Nguyễn Tất thành (mới) đi Ngã 3 thôn 5 (cây xăng Anh Tuấn)	Xã Nam Dong	0,7	840	Ngân sách huyện, Dân hiến đất	
5	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Xã Đắk Wil	0,027		Nguồn tín dụng EU	
V	Huyện Đắk Glong					
1	Đường vào Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	0,1		Ngân sách huyện	
2	Đường vào Chi cục Thuế huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	0,1		Ngân sách huyện	
3	Đập thủy lợi Làng Dao	Xã Quảng Hoà	1,8		Vốn 30a	
4	Đập thủy lợi thôn Tân Tiến	Xã Quảng Khê	2		Vốn 30a	
5	Đường vào sân vận động và mở rộng sân vận động	Xã Đắk Som	0,3		Ngân sách huyện	
VI	Huyện Đắk Song					
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đến cửa khẩu Bu Prăng	Xã Năm N'Jang; xã Đắk N'Drung	43,00	43.000	Ngân sách tỉnh	
2	Đường giao thông bon Jang Plei 3 đi bon Jang Plei 2, xã Trường Xuân	Xã Năm N'Jang; xã Đắk N'Drung	0,80		Ngân sách huyện	

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
VII	Huyện Tuy Đức					Ngân sách tỉnh
1	Đường nối từ Quốc lộ 14c đi trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Xã Đăk Buk So	2,40	15.000	Ngân sách tỉnh	Ngân sách tỉnh
2	Đường vào xã Đăk Ngo (đoạn km00 đến km 17)	Xã Quảng Tâm; xã Đăk Ngo	10,00	7.000	Ngân sách tỉnh	Ngân sách tỉnh
3	Đường giao thông liên xã Đăk Buk So đi Đăk R'Tiêh	Xã Đăk Buk So; xã Đăk R'Tiêh	4,38	14.600	Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm	
4	Trường Tiểu học Tô Hiệu, hạng mục 8 phòng học lâu, 1 nhà đa năng và trang thiết bị	Xã Đăk Ngo	1,00	6.717	Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2020	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
5	03 phòng học - Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm lẻ bon Đăk R'Mai)	Xã Đăk R'Tiêh	0,20		Chương trình kiên cố hóa trường mầm non giai đoạn 2017-2020	Điểm đ, khoản 4, điều 114, Luật đất đai
B	CÁC DỰ ÁN ĐỊNH GIÁ ĐẤT QUÝ IV					
I	Thành phố Gia Nghĩa					
1	Sửa chữa cải tạo đường vào Trường THCS Trần Phú (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường bờ Tây hồ Trung tâm)	Phường Nghĩa Thành	0,75	6.500	Nguồn vốn thành phố	
2	Nâng cấp cải tạo đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Gia Nghĩa	Xã Đăk Nĩa	0,75	22.906,00	Ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
3	Hạ tầng khu dân cư và du lịch sinh thái Tổ dân phố 9	Phường Nghĩa Thành	11,0	120.000	Vốn ngoài ngân sách	
4	Đường từ thôn Nghĩa Tín, phường Quảng Thành đi phường Nghĩa Đức (giai đoạn 2)	Phường Nghĩa Đức	1,92	14.900	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
5	Trường Cao đẳng cộng đồng (quy mô mở rộng quy hoạch)	Phường Nghĩa Trung	5,00	30.000	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh	
6	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2014-2020	Phường Quảng Thành	0,1	400	Ngân sách Trung ương	



(Handwritten signature)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
7	Dự án Kết nối các trục đường Khu đô thị số 4, thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Phú	55	72.144	Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nguồn vốn hợp pháp khác	
8	Trường mầm non Tân Lập Thành	Phường Nghĩa Trung	0,5		Ngân sách thành phố	
9	Nhà lớp học 6 phòng Trường Mầm non Hướng Dương	Xã Đăk R'Moan	0,5		Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	
10	Chợ phường Nghĩa Trung	Phường Nghĩa Trung	5		Vốn ngoài ngân sách	
11	Chợ xã Đăk N'ia	Xã Đăk N'ia	2		Vốn ngoài ngân sách	
12	Dự án thủy điện Bảo Lâm	Xã Đăk N'ia	4,9		Vốn ngoài ngân sách	
III	Huyện Krông Nô					
1	Thủy điện Đăk Sôr 4	Xã Nam Xuân	18		Vốn ngoài ngân sách (Vốn Doanh Nghiệp)	
2	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn	Xã Nam Xuân	1,50	600	Ngân sách huyện	
3	Cụm công nghiệp huyện	Xã Đăk Drô	1,56	700	Ngân sách huyện	
4	Đường dây 110 kV và Trạm biến áp 110/22 kV Krông Nô	Xã Đăk Sôr, xã Nam Đà, xã Đăk Drô và thị trấn Đăk Mâm	1,18	400	Vốn ngành điện	
5	Rãnh thoát nước tại hạ lưu cống Km số 281+550 và Km số 281+945 Quốc lộ 28 (đoạn qua địa bàn xã Nam N'Dir, huyện Krông Nô)	Xã Nam N'Dir	0,1858	300	Ngân sách huyện	
6	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đăk Drô	Xã Nam Đà, Đăk Drô	3,60	1.000	Ngân sách tỉnh	
7	Đường giao thông về xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	Xã Đăk Drô, xã Buôn Choah	9,10	5.600	Ngân sách Trung ương	
8	Nâng cấp đường tỉnh lộ 4 (QL.28) đoạn nội thị trấn Đăk Mâm và đoạn nối dài, huyện Krông Nô	Thị trấn Đăk Mâm, xã Nam Đà	1	2.000	Ngân sách Trung ương	
IV	Huyện Cư Jút					
1	Đường từ đường vào UBND xã Nam Dong (mới) đi đến ngã 4 bên cạnh nhà thờ xã Nam Dong	Xã Nam Dong	1,6	1.920	Ngân sách huyện, Dân hiến đất	
2	Đường nội Thị trấn Ea Tling theo quy hoạch đô thị Ea Tling đến năm 2030	Thị trấn Ea Tling	7,5	0	Ngân sách huyện, Dân hiến đất	



2

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu sử dụng đất (ha)	Khái toán kinh phí BTGPMB (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
3	Bệnh viện Đa Khoa phía bắc huyện Cư Jút (Bệnh viện xuyên á)	Thị trấn Ea Ting	5,9	7.080	Kêu gọi đầu tư	
4	Mở rộng Nghĩa địa thôn 3 xã Đắk Wil	Xã Đắk Wil	2	900	Ngân sách huyện, Dân hiến đất	
5	Khu dân cư tập trung chợ xã Đắk Drông	Xã Đắk Drông	1,5		Ngân sách huyện	
V	Huyện Đắk Glong					
1	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	Xã Đắk Ha	0,6		Ngân sách huyện	
2	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Xã Đắk Som	0,44		Ngân sách huyện	
3	Chợ trung tâm Đắk Nang	Xã Đắk Som	1,5		Xã hội hoá	
4	Các trục đường khu trung tâm hành chính	Xã Quảng Khê	28,00	18.000	Ngân sách Trung ương	
5	Hồ chứa nước Đắk N'Ting	Xã Quảng Sơn	75,90	32.000	Ngân sách Trung ương	
VI	Huyện Đắk Song					
1	Đường giao thông bon R'long đi thôn A3 xã Đắk Mol	Xã Đắk N'Drưng	0,21		Ngân sách huyện	
2	Đường giao thông bon Blan đi thôn 4, xã Đắk Mol	Xã Đắk N'Drưng	0,42		Ngân sách huyện	
VII	Huyện Tuy Đức					
1	Hội trường thôn 11	Xã Quảng Tân	0,10	100	Vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững năm	
VIII	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh					
1	Khu tái định cư 24 ha	Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	24,0	50.000	Ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	

(Ghi chú: Diện tích, vị trí các dự án trong danh mục các dự án cần xác định giá đất có thể thay đổi khi triển khai đo đạc ngoài thực địa)

Phụ lục số 2:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số: **525** /QĐ-UBND ngày **17** tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)	Ghi chú
I	Thành phố Gia Nghĩa			
1	Khu đất Chi cục thuế huyện Đắk Nông (cũ)	TDP2, phường Nghĩa Thành	0,22258	
2	Khu đất quy hoạch chợ cạnh công an phường Nghĩa Thành	TDP7, phường Nghĩa Thành	0,06	
3	Khu đất Trụ sở Lâm trường Đắk Nĩa (cũ)	TDP5, phường Nghĩa Trung	0,10	
4	Khu đất Trụ sở UBND phường Nghĩa Trung (cũ)	TDP5, phường Nghĩa Trung	0,50	
5	Lô đất Hội trường TDPI (cũ)	Phường Nghĩa Phú	0,25652	
6	Khu đất nhà vệ sinh và bãi giữ xe chợ Gia Nghĩa	TDP2, phường Nghĩa Thành	0,03414	
7	Khu đất cạnh quán Nice Club (quán bún thanh thảo)	TDP5, phường Nghĩa Thành	0,025	
8	Bến xe khách Gia Nghĩa	TDP10, phường Nghĩa Thành	0,2038	
9	Khu đất xây dựng chợ tại khu tái định cư Đắk Nĩa	TDP4, phường Nghĩa Trung	1,2	
II	Huyện Đắk Mil			
1	Khu tái định cư TDP6 (TDP5 cũ)	Thị trấn Đắk Mil	0,6353	
2	Dự án Hoa viên và khu dân cư mới TDP 13	Thị trấn Đắk Mil	4	
3	Lô đất sau Trường THPT Trần Hưng Đạo	Thị trấn Đắk Mil	0,1246	
4	Lô đất sau Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	Thị trấn Đắk Mil	0,05	
5	Lô đất công phụ phía Tây khu gia binh 301	Thị trấn Đắk Mil	0,0146	
6	Trụ sở Chi cục thuế (cũ)	Thị trấn Đắk Mil	0,0452	
7	16 lô khu vực quảng trường huyện	Thị trấn Đắk Mil	0,1812	
8	Khu sân vận động TDP 6 (TDP 5 cũ)	Thị trấn Đắk Mil	1,0482	
9	Trụ sở HTX Mạnh Thắng (cũ)	Xã Đức Mạnh	0,0836	
III	Huyện Cư Jút			
1	Trụ sở cơ quan Quân sự huyện cũ	Thị trấn Ea Tling	0,58	



[Handwritten signature]

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)	Ghi chú
2	Trụ sở Bảo hiểm xã hội cũ	Thị trấn Ea Tling	0,06	
3	Trụ sở Trạm Thú y	Thị trấn Ea Tling	0,06	
4	Nhà Văn hóa Cư Jút cũ	Thị trấn Ea Tling	0,24	
5	Trường Mầm non xã Tâm Thắng	Xã Tâm Thắng	0,7	
6	Hội trường thôn 16	Xã Nam Dong	0,03	
7	Trường Nguyễn Bá Ngọc sang Bến xe	Xã Nam Dong	0,35	
8	Khu dân cư tập trung chợ xã Đăk Drông	Xã Đăk Drông	1,5	
9	Khu thương mại dịch vụ quanh Hồ Trúc	Thị trấn Ea Tling	21,5	
IV	Huyện Đăk Glong			
1	Khu định cư huyện Đăk Glong	Xã Quảng Khê	8,5	
2	Trung tâm thương mại huyện Đăk Glong	Xã Quảng Khê	0,24	
V	Huyện Đăk Song			
1	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP6, thị trấn Đức An (Khu cư chiến binh)	TDP6, thị trấn Đức An	1,51904	
2	Quy hoạch phân lô chi tiết khu dân cư tại TDP6 (Đường vào khu công vụ)	TDP6, thị trấn Đức An	1,86869	
3	Khu Thương mại - dịch vụ thôn 10, xã Nam Bình	Thôn 10, xã Nam Bình	0,0825	
4	Quy hoạch phân lô chi tiết TDP 4, thị trấn Đức An	TDP 4, thị trấn Đức An	0,75559	
5	Khu Thương mại - dịch vụ thôn 10, xã Năm N'Jang	Thôn 10, xã Năm N'Jang	0,20255	
6	Đài nước TDP2, thị trấn Đức An	TDP2, thị trấn Đức An	0,06846	
VI	Huyện Tuy Đức			
1	Sân bay Bu Boong	Thôn 4, xã Đăk Buk So	12	
2	Cuối Sân bay Bù Boong	Thôn 4, xã Đăk Buk So	2	
3	Điểm CBB 3 cũ	Thôn 3, xã Đăk Buk So	2	
4	Trước UBND xã Quảng Tâm	Thôn 5, xã Quảng Tâm	2,5	
VII	Huyện Đăk R'Lấp			
1	Đầu giá 21 lô tại thị trấn Kiến Đức	Thị trấn Kiến Đức	0,4179	

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)	Ghi chú
2	Trạm Y tế xã Nhân Cơ (cũ)	Xã Nhân Cơ	0,0554	
3	Trạm Y tế xã Quảng Tín (cũ)	Xã Quảng Tín	0,3337	
VIII	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh			
1	Khu đất kho phân thuộc Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	0,26447	
2	Khu đất Dự kiến xây dựng trụ sở làm việc công ty thuộc Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	0,71659	
3	Khu đất Xây dựng Trụ sở Lâm trường Đắk Rung cũ thuộc Công ty TNHH MTV Thuận Tân	Xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song	0,07844	
4	Khu đất Trụ sở Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trường Xuân	Xã Trường Xuân, huyện Đắk Song	0,23181	
5	Khu đất trụ sở Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Tín	Xã Quảng Tín, huyện Đắk R'láp	0,2467	
6	Khu đất Trụ sở XNLN Quảng Khê thuộc Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa	Xã Quảng Khê, huyện Đắk G'long	1,8456	
7	Khu đất xưởng xe cầu 25 thuộc Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa	Xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long	2,00001	
8	Khu đất Trụ sở trụ sở mới thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Đức	Xã Quảng phú, huyện Krông Nô	0,28312	
9	Khu đất Trụ sở cũ thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Đức	Xã Quảng phú, huyện Krông Nô	0,49305	
10	Khu đất Khách sạn Cao nguyên cũ	Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa	1,7461	
11	Thửa số 1 (Kí ốt số 7A)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,01725	
12	Thửa số 2 (Kí ốt số G7)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,01447	



(Handwritten signature)

Stt	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhu cầu định giá đất cụ thể của địa phương theo từng dự án tạm tính (ha)	Ghi chú
13	Thửa số 4 (Kí ốt số 4)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,00838	
14	Thửa số 5 (Kí ốt số 3)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,00844	
15	Thửa số 6 (Kí ốt số 2)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,00688	
16	Thửa số 8 (Kí ốt số 1)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,006	
17	Thửa số 9 (Kí ốt số 7)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,00589	
18	Thửa số 11 (Kí ốt số 29)	Phường Nghĩa thành, thành phố Gia Nghĩa	0,02315	

